TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1533/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Sơn

2. Bà Võ Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1230/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3351/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thuý D**, sinh ngày 30/12/1979

Số CCCD 096179009673

Địa chỉ:, phường B , Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoà B**, sinh ngày 08/9/1975

Số CCCD 096075000018,

Địa chỉ:, phường B , Thành phố Hồ Chí Minh

(bà D và ông B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Trần Thúy D (nguyên đơn) trình bày:

Bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hoà B có tìm hiểu đi đến hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 063/CN-KH, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/11/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn sự yêu thương chăm

sóc lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ lâu. Nay bà D nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoà B.

- Về con chung: Bà D và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 01/9/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhã M, sinh ngày 24/7/2009. Bà Trần Thuý D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M. Bà D không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ M.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoà B trình bày: Ông Nguyễn Hòa B và bà Trần Thuý D có tìm hiểu đi đến hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 063/CN-KH, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/11/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông B không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà D, ông B rất yêu thương vợ con, ông mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho các con.

- Về con chung: Ông B và bà D có 02 con chung tên Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 01/9/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhã M, sinh ngày 24/7/2009. Trẻ Nguyễn Nhã M hiện đang sống với bà Trần Thuý D, nếu Toà giải quyết ly hôn thì ông B đồng ý giao trẻ Nhã M cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M, ông B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thúy D nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Hòa B. Ông B cư trú tại phường B Đông, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 063/CN-KH, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/11/2003, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[3] Tại phiên tòa: Bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B cùng thừa nhận: Bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B đã có thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, B đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Ông B không đồng ý ly hôn, ông B mong muốn được đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thúy D về việc xin được ly hôn với ông Nguyễn Hòa B.

[4] Về con chung: Bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B có 02 con chung tên 02 con chung tên Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 01/9/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhã M, sinh ngày 24/7/2009. Trẻ Nguyễn Nhã M hiện đang sống với bà Trần Thuý D. Tại biên bản ghi nhận ý kiến thì trẻ M muốn sống chung với bà D. Xét hiện tại, bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M, ông B cũng đồng ý giao trẻ M cho bà D nuôi dưỡng. Để tạo điều kiện và đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, tình cảm của trẻ, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ M cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông B.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 , Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thúy D với ông Nguyễn Hòa B.

Bà Trần Thúy D được ly hôn với ông Nguyễn Hòa B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 063/CN-KH, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/11/2003 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thúy D và ông Nguyễn Hòa B có tên Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 01/9/2004 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhã M, sinh ngày 24/7/2009. Giao trẻ Nguyễn Nhã M, sinh ngày 24/7/2009 cho bà Trần Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thúy D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0035780 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thúy D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Loan